

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2021

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Tiến – Cán bộ hưu trí thị trấn Chí Thạnh.
2. Ông Đỗ Văn Điều – Cán bộ hưu trí thị trấn Chí Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 201/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, về việc: “ Xin ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chị H có mặt; anh H1 vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2020 và lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị H tại phiên tòa:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004 tôi có tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với anh H1, được UBND xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2004. Quá trình

chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H1 hay ăn nhậu, ghen tuông nhục mạ tôi, có lần đánh tôi và sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nay tôi yêu cầu xin được ly hôn với anh H1.

- **Về con chung:** Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Phi Y, sinh ngày 14/9/2004 lâu nay do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, và cháu Nguyễn Hùng V, sinh ngày 11/02/2009 lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng; riêng cháu Y tôi thống nhất giao cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng.

-**Về tài sản chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/3/2021 và đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 29/3/2021 anh H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Năm 2004 tôi có tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với chị Lê Thị H, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A năm 2004. Quá trình chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, có lần tôi hay ghen và sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nay tôi thống nhất thuận tình ly hôn với chị H.

- **Về con chung:** Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Phi Y, sinh ngày 14/9/2004 lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, và cháu Nguyễn Hùng V, sinh ngày 11/02/2009 lâu nay do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y không yêu cầu chị H cấp dưỡng; riêng cháu V tôi thống nhất giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án, về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị HĐXX ghi nhận; Về con chung: Giao cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Y cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Tại phiên tòa và tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2021 các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét. Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện anh Nguyễn Văn H1 về việc: “ Xin ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh H1 vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn H1 tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị H trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 hay ăn nhậu, xúc phạm đến chị, có lần đánh chị nên chị H yêu cầu xin được ly hôn; tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2021 anh H1 cũng thống nhất thuận tình ly hôn nên HĐXX ghi nhận.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Phi Y, sinh ngày 14/9/2004 lâu nay do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Hùng V, sinh ngày 11/02/2009, lâu nay do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay, chị H yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng, riêng cháu Y chị H thống nhất giao cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng; Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/3/2021 anh H1 yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, không yêu cầu chị H cấp dưỡng, riêng cháu V anh H1 thống nhất giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy từ ngày sống ly thân cháu V do chị H trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Y do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm gắn bó, gần gũi. Mặc khác tại các đơn nguyện vọng ngày 22/01/2021 cháu Nguyễn Thị Phi Y có nguyện vọng tiếp tục xin được ở với cha (Nguyễn Văn H1), cháu Nguyễn Hùng V có nguyện vọng tiếp tục xin được ở với mẹ (Lê Thị H). Do đó để đảm bảo về tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của các cháu, cần tiếp tục giao cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Y cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Tại phiên tòa và tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2021 các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung:

- Chị Lê Thị H được tiếp tục trong hôn nhân, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hùng V, sinh ngày 11/02/2009. Anh H1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Nguyễn Văn H1 được tiếp tục trong hôn nhân, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Phi Y, sinh ngày 14/9/2004. Chị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H và anh H1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 04491 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

*Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình

